

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2021/DS-ST**
Ngày 29-10-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Sơn Lâm**

2. Bà **Trần Thị Diễm Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Mỹ Y** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **52/2020/TLST-DS** ngày 02 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 58/2021/TB-TA ngày 08/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1981

Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị P**, sinh năm 1968; Ông **Lê Thành G**, sinh năm 1967.

Cùng nơi cư trú: ấp V, xã B, huyện D, thành phố Cần Thơ

(Ông L có mặt, đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày như sau:

Ngày 29/02/2016 ông có cho ông Lê Thành G và bà Đỗ Thị P vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 5- 7 ngày sẽ trả, mục đích vay để ông G đáo nợ Ngân hàng phục vụ chung cho sinh hoạt gia đình, lãi suất các bên thuận 3%/tháng. Việc vay tiền cũng như thỏa thuận lãi suất không lập

thành văn bản hay làm giấy tờ gì khác. Từ khi vay đến nay bị đơn có đóng tiền nợ lãi, nhưng số tiền bao nhiêu không nhớ rõ, bị đơn đóng tiền lãi cũng không đúng theo các bên đã thỏa thuận. Ông có gặp bà P nhiều lần để nhắc nhở trả nợ nhưng bà P không trả. Nay ông yêu cầu bị đơn ông Lê Thành G và bà Đỗ Thị P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền nợ vay 500.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 29/02/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất theo qui định của pháp luật, số tiền lãi như sau $(500.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng}) = 5.625.000 \text{ đồng} \times 60 \text{ tháng} = 337.500.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền 837.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*), ông chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ vay là 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), tiền nợ lãi yêu cầu cụ thể như sau: tính từ ngày 18/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/10/2021) là 17 tháng $\times (170.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng}) = 32.512.000 \text{ đồng}$ (*Ba mươi hai triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*). Tổng cộng số tiền là 202.512.000 đồng (*Hai trăm lẻ hai triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*).

Bị đơn ông Lê Thành G vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông trình bày như sau:

Thừa nhận ông có vay tiền của ông L vào thời gian nào không nhớ rõ, vay số tiền bao nhiêu ông cũng không nhớ vì vay thành nhiều lần, mục đích vay là để làm ăn, lãi suất các bên thỏa thuận 3%/tháng. Việc vay tiền cũng như thỏa thuận lãi suất thì không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận miệng. Ông có đóng tiền nợ lãi cho nguyên đơn nhưng số tiền bao nhiêu không nhớ, việc này cũng không làm giấy tờ. Ông có trả nợ gốc cho nguyên đơn hiện nay chỉ còn nợ lại 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), trả vào thời gian nào không nhớ rõ, số nợ này ông vay là để làm ăn cho cá nhân của ông không liên quan gì đến vợ ông là bà P. Nay qua yêu cầu của nguyên đơn ông đồng ý trả số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) ông không yêu cầu bà P có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cùng ông.

Bị đơn bà Đỗ Thị P trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày như sau: Bà không có vay tiền gì của ông L, việc ông G có vay tiền của nguyên đơn hay không thì bà không biết vì bà và ông G đã sống ly thân hơn 03 năm nay, bà không còn liên lạc gì với ông G nhưng hôn nhân giữa bà và ông G vẫn còn tồn tại. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà cũng đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng ông G trả số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 202.512.000 đồng (*Hai trăm lẻ hai triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), nợ lãi là 32.152.000 đồng (*Ba mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Hoàng L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Thành G và bà Đỗ Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Thọ, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lê Thành G và bà Đỗ Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 29/02/2016 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 500.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền này. Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 330.000.000 đồng, chỉ yêu cầu số tiền 170.000.000 đồng. Xét thấy, lời khai của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận. Vì vậy, về tình tiết bị đơn nợ tiền của nguyên đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi: Xét thấy việc bị đơn nợ nguyên đơn số tiền vay thì khi thanh toán tiền nợ vay bị đơn còn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc, nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi tính từ ngày 18/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/10/2021) là $17 \text{ tháng} \times (170.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng}) =$

32.512.000 đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*). Việc nguyên đơn yêu cầu tiền nợ lãi là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ liên đới: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị P và ông Lê Thành G có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ vay và số tiền lãi. Bị đơn ông G cho rằng số tiền này là ông vay để tiêu xài cá nhân và không yêu cầu bà P chịu trách nhiệm liên đới trả nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này. Xét khoản tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông G và bà P, trong thời gian này ông G và bà P sống chung, xây dựng kinh tế chung và thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung theo luật định. Việc vay tiền mục đích nhằm xây dựng kinh tế của gia đình ông G và bà P. Do đó, mặc dù bà P không biết khoản nợ vay này nhưng bà P và ông G phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27; Điều 30; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này”*, hơn nữa bà P cũng đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả nợ chung cùng ông G. Ngoài ra, việc buộc bà P có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ là cần thiết để đảm bảo công tác thi hành án. Từ những nhận định trên, cần buộc bà Đỗ Thị P có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Thành G thanh toán khoản nợ vay cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa nguyên rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 330.000.000 đồng, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Từ những tình tiết và sự kiện nêu trên, có đủ cơ sở để xác định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và nợ số tiền 170.000.000 đồng là có thật. Đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005: *“...1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....”*. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 92 ; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 244; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 163; Điều 256; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;

- Các điều 115, 357, 468, 429; điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27; 30; 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Đỗ Thị P và ông Lê Thành G cụ thể như sau:

1.1. Buộc bà Đỗ Thị P và ông Lê Thành G có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng L tổng số tiền nợ vay là 202.512.000 đồng (*Hai trăm lẻ hai triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*) (trong đó nợ gốc 170.000.000 đồng, nợ lãi 32.512.000 đồng)

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L về việc yêu cầu bà Đỗ Thị P và ông Lê Thành G có trách nhiệm liên đới thanh toán tổng số tiền nợ là 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả, tính trên số nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Đỗ Thị P và ông Lê Thành G phải nộp án phí số tiền là 10.125.600 đồng (*Mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng*).

2.2 Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng L tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 016335 ngày 25.5.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.